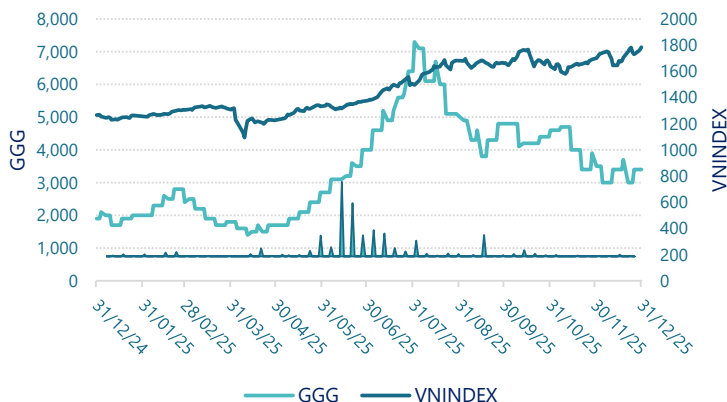




CTCP Ô tô Giải Phóng (UPCOM: GGG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,400
SL cổ phiếu LH	29,388,589
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,295
% sở hữu nước ngoài	2.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	100
P/E	-6.8
EPS	-500

DT thuần

Q4/25

27.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼24.3| -46.9%

YoY: ▲ 10.2| 59.0%

LN sau thuế

Q4/25

-3.91

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.16| -124%

YoY: ▲ 0.11| 2.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-3.5%

+/- YoY: ▲ 37.5%

DT thuần

2025

116

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 93.4| 411%

LN sau thuế

2025

-14.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.80| 24.8%

ROE

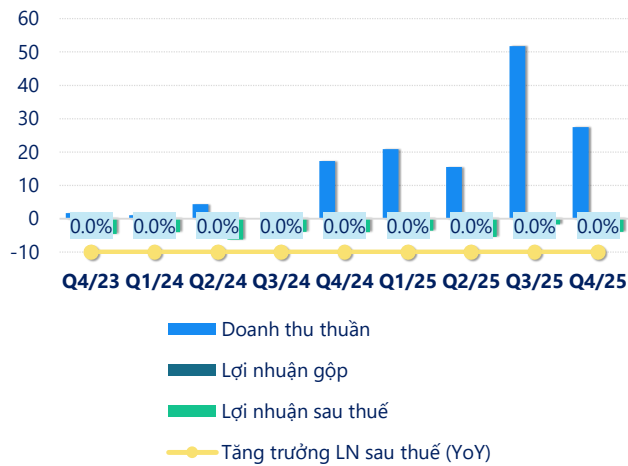
2025

25.1%

+/- YoY: ▼ 22.1%

tỷ VNĐ

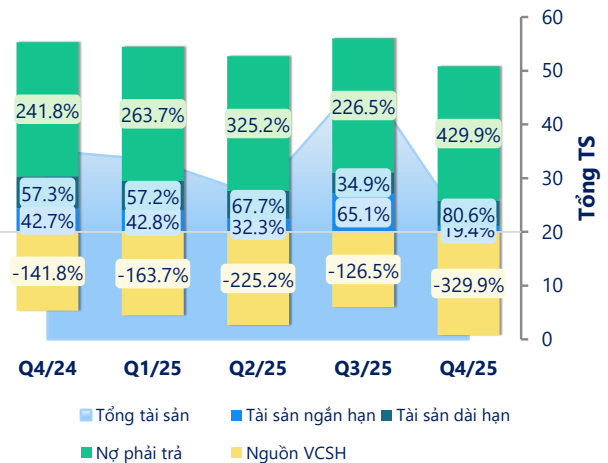
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

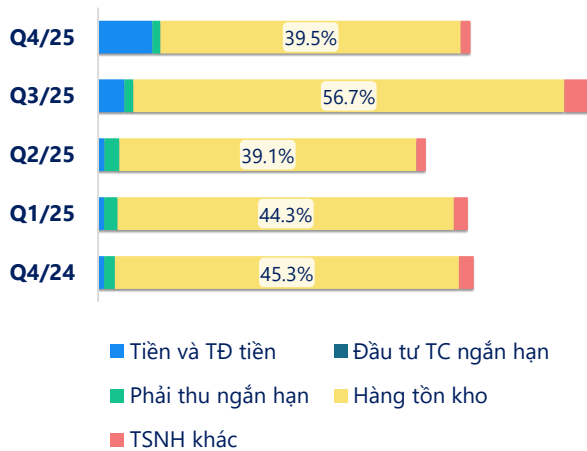
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



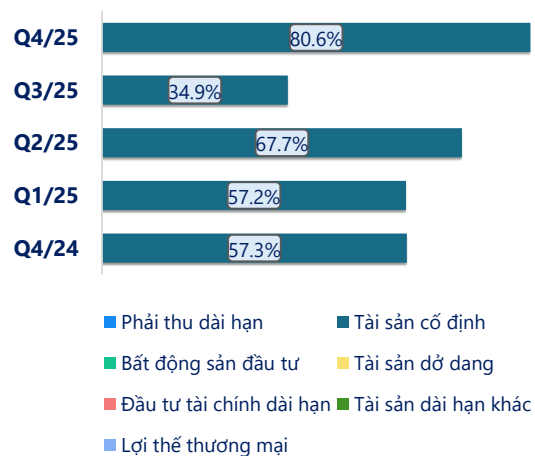
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

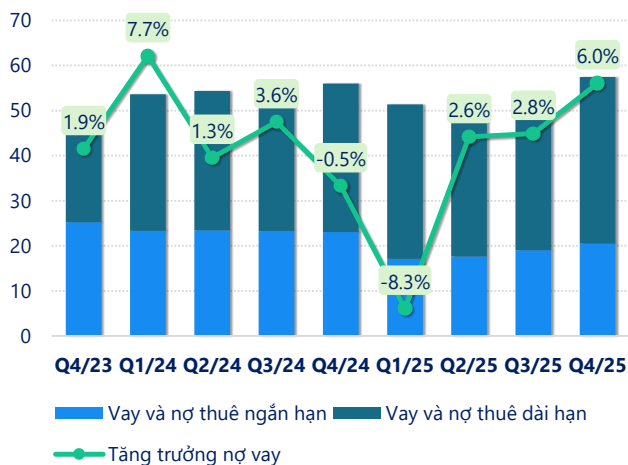
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

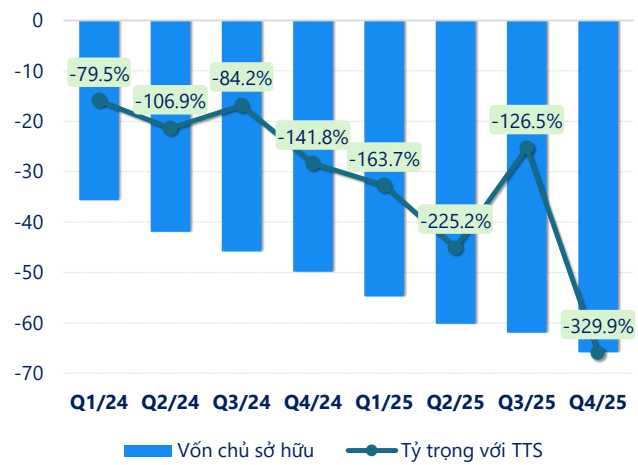
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

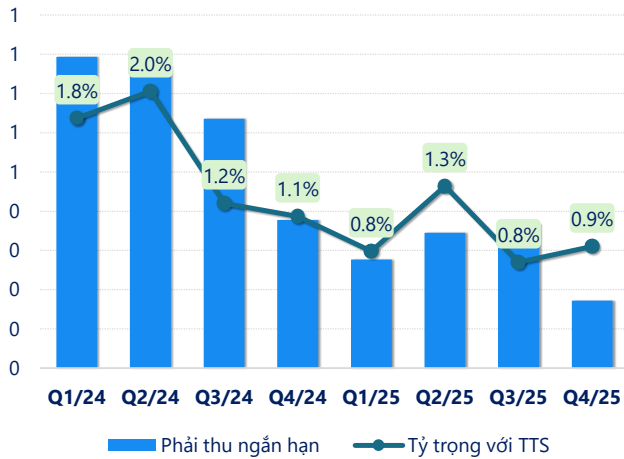
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



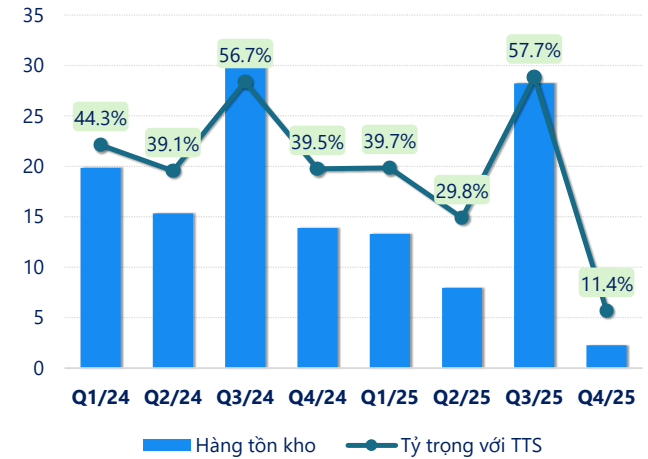
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


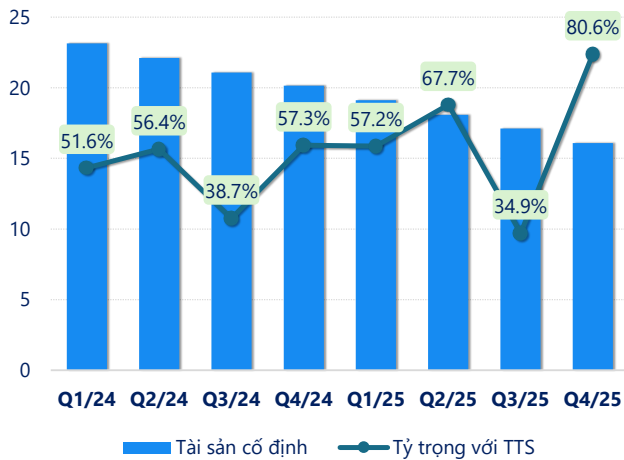
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


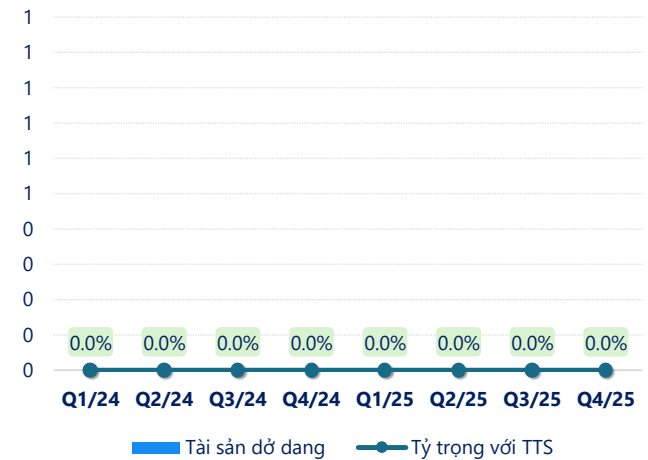
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

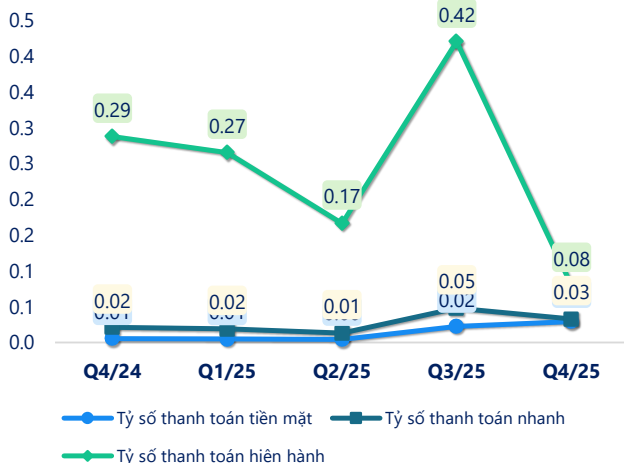
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

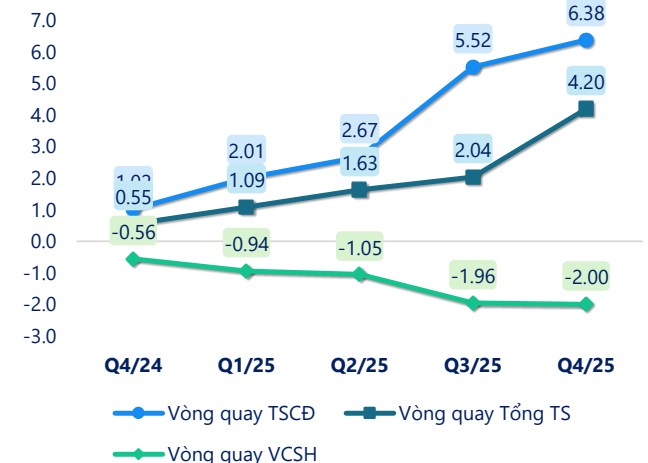
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	35.1	33.4	26.7	49.0	20.0
Tài sản ngắn hạn	15.0	14.3	8.64	31.9	3.88
Tiền và tương đương tiền	0.28	0.27	0.22	1.70	1.43
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	0.38	0.28	0.34	0.37	0.17
Hàng tồn kho	13.9	13.3	7.96	28.2	2.27
Tài sản ngắn hạn khác	0.44	0.49	0.12	1.57	0.01
Tài sản dài hạn	20.2	19.1	18.1	17.1	16.1
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	20.2	19.1	18.1	17.1	16.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	85.0	88.2	86.9	111	85.8
Nợ ngắn hạn	52.1	54.0	51.9	75.8	48.8
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.1	17.1	17.6	19.0	20.4
Phải trả người bán ngắn hạn	3.24	14.3	5.83	30.4	2.20
Nợ dài hạn	32.9	34.2	35.0	35.2	37.0
Vay và nợ thuê dài hạn	32.9	34.2	35.0	35.2	37.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	-49.9	-54.7	-60.2	-62.0	-65.9
Vốn chủ sở hữu	-49.9	-54.7	-60.2	-62.0	-65.9
Vốn điều lệ	294	294	294	294	294
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)